



NGHỆ AN

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

Nguyễn Hữu Vinh

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Nghệ An

Làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An được hình thành và phát triển trong thời gian khá dài, rất đa dạng, phong phú, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

Xác định được tầm quan trọng của việc phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh, năm 2003 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An đã công nhận cho 12 làng nghề theo Quyết định số 70/2003/QĐ.UB về việc "Ban hành quy định tạm thời về làng nghề TTCN tỉnh Nghệ An", từ đó trung bình mỗi năm số lượng làng nghề trên toàn tỉnh tăng lên 5 - 19 làng nghề. Đến cuối năm 2015, Nghệ An đã công nhận 139 làng nghề thuộc về nhiều loại hình, lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là mây tre đan, chế biến lương thực, thực phẩm, hải sản, mộc...

Năm 2016, số lượng làng nghề được công nhận trên địa bàn toàn tỉnh là 146 làng thuộc 10 lĩnh vực, bao gồm: 44 làng nghề mây tre đan; 25 làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm; 10 làng nghề sản xuất chổi đót, chiếu cói, giấy dó; 21 làng nghề mộc dân dụng và mỹ nghệ, đóng tàu thuyền, trống; 10 làng nghề chế biến hải sản; 13 làng nghề dầu tầm tơi, móc sợi, dệt thổ cẩm; 12 làng nghề chế chân hương, sản xuất hương; 3 làng nghề sản xuất gạch, ngói; 1 làng nghề cơ khí; 7 làng nghề trồng cây cảnh.

Toàn tỉnh có 21 huyện, thành, thị xã thì có 19 huyện, thành, thị có làng nghề được UBND tỉnh công nhận. Các làng nghề hiện tập trung chủ yếu ở các huyện: Quỳnh Lưu 30 làng (chiếm 20,55%), Nghi Lộc

22 làng (chiếm 15,07%), Diễn Châu 20 làng (chiếm 13,70%), Yên Thành 14 làng (chiếm 9,59%), Thanh Chương 8 làng (chiếm 5,48%), TP. Vinh 8 làng (chiếm 5,48%), Quỳnh Châu 7 làng (chiếm 4,79%), Hưng Nguyên 6 làng (chiếm 4,11%), TX. Cửa Lò 5 làng (chiếm 3,42%)... Còn chia theo xã thì Nghệ An có 100 xã, phường, thị trấn có làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó 22 xã có 2 làng nghề, 3 xã có 3 làng nghề, 1 xã có 4 làng nghề, 1 thị trấn 5 làng nghề, 1 xã có 10 làng nghề. Điển hình: xã Nghi Thái (Nghi Lộc): 10 làng; Thị trấn Tân Lạc (Quỳnh Châu): 6 làng; Nghi Phong (Nghi Lộc): 4 làng...

Có thể nói, sự phân bố làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An phụ thuộc vào lịch sử phát triển các làng có nghề trước đó và có mối liên hệ mật thiết với nguồn nguyên liệu cấp cho sản xuất của làng nghề. Từ đó hình thành 03 nhóm vùng phân bố: (1) Làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm tập trung ở vùng đồng bằng và ven biển: Diễn Châu, Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Hoàng Mai, Cửa Lò; (2) Làng nghề thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, chiếu cói, mộc dân dụng mỹ nghệ) tập trung ở vùng đồng bằng, đặc biệt tại các khu vực có giao thông thuận lợi:

Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành; (3) Các nhóm làng nghề khác thường chỉ tập trung tại 01 huyện. Ví dụ: Hoa, cây cảnh tại TP. Vinh, sản xuất hương tại Quỳnh Châu, dệt thổ cẩm tại Quế Phong... Còn lại, các làng nghề tại các địa phương khác rất ít, chỉ có quy mô sản xuất nhỏ, số lượng hộ ít và phụ thuộc vào địa phương khác.

Những năm gần đây, nhờ những chính sách hiệu quả thúc đẩy việc gìn giữ và phát triển làng nghề đã mang lại hiệu quả tích cực cho nền kinh tế của tỉnh. Năm 2016, giá trị sản xuất của các làng nghề ước đạt 1.600 tỷ đồng, chiếm 1,19% giá trị sản xuất toàn tỉnh; tổng số lao động tham gia thường xuyên xấp xỉ 20 nghìn lao động, chiếm 1,09% tổng số lao động toàn tỉnh; thu nhập bình quân lao động trung bình các làng nghề đạt 30,6 triệu đồng/lao động/năm, cao hơn mức trung bình chung 28,38 triệu đồng toàn tỉnh.

Như vậy, mặc dù lao động chỉ chiếm 1,09%, nhưng giá trị sản xuất đã tạo ra 1,19% so với toàn tỉnh, số liệu phản ánh mức thu nhập của người lao động trong làng nghề cao hơn mức thu nhập trung bình chung. Cụ thể:

TT	Nhóm nghề	Nghề		Lao động		Giá trị sản xuất		Thu nhập BQ/Lao động/năm (triệu đồng)
		Số lượng (làng)	Tỷ lệ %	Số lượng (người)	Tỷ lệ %	Triệu đồng	Tỷ lệ %	
1	Mây tre đan	44	30,14	2.751	13,87	68.380	4,28	15,49
2	Chiếu cói, kết chổi đốt, giấy gió	10	6,85	1.739	8,77	48.383	3,03	23,37
3	Dâu tằm tơ, móc sợi, dệt thổ cẩm	13	8,90	1.580	7,97	42.590	2,66	13,44
4	Gây trồng cây cảnh	7	4,79	1.305	6,58	149.143	9,33	44,77
5	Chế biến hải sản	10	6,85	1.331	6,71	105.395	6,59	38,65
6	Mộc dân dụng và mỹ nghệ, đóng tàu thuyền, trồng	21	14,38	3.618	18,24	617.184	38,59	50,54
7	Chè chu hương, sản xuất hương	12	8,22	1.013	5,11	60.424	3,78	33,12
8	Chế biến lương thực, thực phẩm	25	17,12	4.707	23,73	341.180	21,33	37,52
9	Cơ khí	1	0,68	76	0,38	8.104	0,51	54,00
10	Sản xuất gạch, ngói	3	2,05	1.715	8,65	158.448	9,91	52,67
Tổng cộng		146	100	19.835	100	1.599.231	100	

Về chất lượng hoạt động của các làng nghề: Phát triển ổn định và bền vững có 127 làng (chiếm 86,98 %); có 06 làng hoạt động yếu kém và 13 làng đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng.

Hiện nay, chính sách hỗ trợ các làng nghề, làng có nghề được triển khai thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến các địa phương. Nhiều huyện, thành thị đã ban hành các chính sách hỗ trợ như: Hỗ trợ kinh phí cho việc

xây dựng phát triển làng nghề, làng có nghề, du nhập nghề mới; kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh phí đào tạo nghề, tham quan học tập, xây dựng nhãn mác tập thể, quảng bá sản phẩm, tham gia hội chợ... Đồng thời với đó, việc thực hiện bảo hộ nhãn hiệu tập thể sản phẩm làng nghề được nâng lên. Việc đăng bạ và khai thác phát triển các tài sản Sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể đã nâng cao giá trị sản phẩm và thúc đẩy sự phát triển của các làng nghề trong tỉnh.

Song thực tế cũng cho thấy, mặc dù việc phát triển làng nghề Nghệ An đã có những bước khởi sắc đáng kể, nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế đó là: Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm sâu sát đến việc phát triển làng nghề và làng có nghề. Nhìn chung quy mô làng nghề còn nhỏ, phân tán, vốn đầu tư còn thấp, công nghệ còn lạc hậu, chưa xây dựng được thương hiệu nhãn mác, thị trường tiêu thụ thiếu bền vững và chưa rộng mở, chưa hướng tới xuất khẩu, giá trị sản xuất còn thấp.

Lao động trong các làng nghề nhìn chung trình độ còn thấp, năng suất chất lượng sản phẩm chưa cao, thu nhập một số nghề thấp chưa thu hút được đông đảo lao động tham gia, chưa có nhiều nghề nhân. Các làng nghề hình thành và phát triển nhưng các địa phương chưa quan tâm đến việc hình thành và phát triển các tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp tại các làng nghề, nên không có "bà đỡ" để cung ứng nguyên liệu đầu vào, đảm bảo thị trường đầu ra, xây dựng thương hiệu nhãn mác, bao bì, quảng bá sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức; Thiếu quan tâm đến việc chuyển đổi, du nhập nghề mới,



nên một số làng nghề sau khi được công nhận đến nay không tồn tại và hoạt động kém hiệu quả. Một số làng nghề phụ thuộc thị trường xuất khẩu, thường xuyên thay đổi mẫu mã, cùng với đó là thị trường nguyên liệu ngày càng khan hiếm nên quy mô sản xuất ngày một thu hẹp như: Nghề mây tre đan, nghề chiếu cói, nghề thổ cẩm... Công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường một số làng nghề chưa có biện pháp xử lý, gây bức xúc trong nhân dân, nhất là nghề mộc, nghề chế biến thủy hải sản.

Thực hiện Nghị quyết 06/NQ-TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (TTCN), xây dựng làng nghề giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh Nghệ An cần xây dựng kế hoạch và đưa ra nhiều chỉ tiêu phấn đấu, theo báo cáo của Liên minh Hợp tác xã, tỉnh Nghệ An cần tập trung phấn đấu phát triển làng nghề giai đoạn 2016 - 2020 như sau: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành nghề đạt 15%/năm. Xuất khẩu đạt 285 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh. Giải quyết việc làm cho 250.000 lao động. Phấn đấu mỗi năm phát triển từ 5-7 làng nghề nâng tổng số làng nghề đến năm 2020 đạt 180- 200 làng nghề.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trên và khắc phục những hạn chế yếu kém của các làng nghề hiện nay, trong thời gian tới tỉnh cần tập trung giải quyết những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục bám sát các mục tiêu và định hướng đã xác định trong Nghị quyết 06-NQ/TU; rà soát lại chỉ tiêu một số ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung

cho phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và tình hình thực tế hiện nay của tỉnh (giao Liên minh HTX tỉnh là đơn vị tham mưu trực tiếp).

Thứ hai, tập trung huy động các nguồn lực, chú trọng nguồn lực xã hội hóa để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông đường bộ, cảng biển, điện, hệ thống cấp thoát nước, xử lý chất thải, hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng làng nghề, nhằm đáp ứng hạ tầng thiết yếu cho công nghiệp phát triển bền vững.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của sản xuất TTCN và xây dựng làng nghề trong chiến lược phát triển kinh tế của địa phương.

Thứ tư, tiếp tục hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất ngành nghề như: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, dệt may, cơ khí nhỏ; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đan lát; Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh; Tổ chức đào tạo, truyền nghề, tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề.

Thứ năm, tiếp tục bảo tồn, phát triển các làng nghề cũ và phát triển ngành nghề mới, sản phẩm mới trên cơ sở các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề.

Thứ sáu, hỗ trợ xây dựng nhân hiệu hàng hóa; vận động xây dựng các mô hình kinh tế hợp tác; hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và hỗ trợ cơ giới hóa một số công đoạn sản xuất, tiếp tục bảo tồn và phát triển các làng nghề.

Thứ bảy, phát triển làng nghề gắn với điểm du lịch và tuyến du lịch để phục vụ nhu cầu tham quan, mua sắm quà lưu niệm của khách.

Thứ tám, nâng cao tay nghề cho người lao động, quy hoạch vùng nguyên liệu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, chú trọng đến chất lượng, mẫu mã, nhãn mác, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, đầu tư công nghệ... Ngoài ra, công tác bảo vệ môi trường làng nghề cần được đẩy mạnh với giải pháp tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường ở các làng nghề.

Thứ chín, thực hiện hiệu quả chính sách phát triển vùng nguyên liệu, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực TTCN và làng nghề; thực hiện cơ chế ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, cho vay vốn tới các hộ sản xuất, hỗ trợ các thủ tục pháp lý. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh, chính sách về khoa học - công nghệ, chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề, áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường...

Có thể thấy, việc phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn; giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Với những giải pháp trên, tin chắc rằng làng nghề trên địa bàn tỉnh sẽ có những bước tiến mới và dài trong tương lai, góp phần xây dựng kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự ngày một bền vững./.